

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của  
Bộ Tư pháp đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP**

*Căn cứ Nghị định số 98/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 27/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp cải cách và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để biết);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ (để t/h);
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ;
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, VP (CCHC-KSTTHC (Ngân)).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thanh Tịnh**

**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ TƯ PHÁP ĐỦ ĐIỀU KIỆN**  
**THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 565/QĐ-BTP ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)*

| Stt                                                                                                                                                                                                  | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                | Lĩnh vực                                | Cấp giải quyết | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|---------|
| <b>I. Lĩnh vực Nuôi con nuôi (03 TTHC: 01 TTHC cấp Trung ương, 01 TTHC cấp Tỉnh, 01 TTHC cấp Xã)</b>                                                                                                 |          |                                                                                                                                                         |                                         |                |         |
| 1.                                                                                                                                                                                                   | 1.003198 | Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi                                                       | Nuôi con nuôi                           | Cấp Trung ương |         |
| 2.                                                                                                                                                                                                   | 2.002349 | Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi | Nuôi con nuôi                           | Cấp Tỉnh       |         |
| 3.                                                                                                                                                                                                   | 2.001255 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước                                                                                                               | Nuôi con nuôi                           | Cấp Xã         |         |
| <b>II. Lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm (06 TTHC: 06 TTHC cấp Trung ương)</b> |          |                                                                                                                                                         |                                         |                |         |
| 4.                                                                                                                                                                                                   | 1.011435 | Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm          | Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản | Cấp Trung ương |         |
| 5.                                                                                                                                                                                                   | 1.011436 | Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng động                                                                                                            | Đăng ký biện                            | Cấp Trung      |         |

|    |          |                                                                                                                                                                                                                         |                                         |                |  |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--|
|    |          | sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm                                                                                                              | pháp bảo đảm bằng động sản              | ương           |  |
| 6. | 1.011437 | Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm                                                                      | Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản | Cấp Trung ương |  |
| 7. | 1.011438 | Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), là cây hằng năm, công trình tạm | Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản | Cấp Trung ương |  |
| 8. | 1.011439 | Cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm                                                            | Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản | Cấp Trung ương |  |
| 9. | 1.011440 | Cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm                                           | Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản | Cấp Trung ương |  |

**III. Lĩnh vực Hộ tịch (02 TTHC thực hiện ở cả Trung ương và địa phương: 02 TTHC cấp Trung ương, 02 TTHC cấp Tỉnh, 02 TTHC cấp Huyện, 02 TTHC cấp Xã)**

|                                                                                                  |          |                                                                                                                                                                                    |                                            |                                             |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------------------------------|--|
| 10.                                                                                              | 2.000635 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                                                                      | Hộ tịch                                    | Cấp Trung ương; Cấp Tỉnh; Cấp Huyện; Cấp Xã |  |
| 11.                                                                                              | 2.002516 | Xác nhận thông tin hộ tịch                                                                                                                                                         | Hộ tịch                                    | Cấp Trung ương; Cấp Tỉnh; Cấp Huyện; Cấp Xã |  |
| <b>IV. Lĩnh vực Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (02 TTHC: 02 TTHC cấp Trung ương)</b> |          |                                                                                                                                                                                    |                                            |                                             |  |
| 12.                                                                                              | 1.005464 | Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa                                                                                                                | Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cấp Trung ương                              |  |
| 13.                                                                                              | 3.000024 | Đề nghị thanh toán chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa                                                                                                            | Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cấp Trung ương                              |  |
| <b>V. Lĩnh vực Lý lịch tư pháp (06 TTHC: 03 TTHC cấp Trung ương, 03 TTHC cấp Tỉnh)</b>           |          |                                                                                                                                                                                    |                                            |                                             |  |
| 14.                                                                                              | 2.000467 | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú) | Lý lịch tư pháp                            | Cấp Trung ương                              |  |

|     |          |                                                                                                                                                                                       |                 |                |  |
|-----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------|--|
| 15. | 2.000512 | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú, người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam) | Lý lịch tư pháp | Cấp Trung ương |  |
| 16. | 2.000448 | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam hoặc công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú                                   | Lý lịch tư pháp | Cấp Trung ương |  |
| 17. | 2.000488 | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam                                                                                            | Lý lịch tư pháp | Cấp Tỉnh       |  |
| 18. | 2.001417 | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)             | Lý lịch tư pháp | Cấp Tỉnh       |  |
| 19. | 2.000505 | Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)                                                   | Lý lịch tư pháp | Cấp Tỉnh       |  |

**VI. Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản (06 TTHC: 03 TTHC cấp Trung ương, 04 TTHC cấp Tỉnh)**

|     |          |                                                                                                                                                                                                                                           |                                                      |                |                                                                                                                                                                        |
|-----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20. | 2.001130 | Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên                      | Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản | Cấp Trung ương |                                                                                                                                                                        |
| 21. | 1.002681 | Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về luật sư, kiểm toán viên là người nước ngoài theo quy định của pháp luật về kiểm toán | Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản | Cấp Trung ương |                                                                                                                                                                        |
| 22. | 2.001117 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên                                                                                                                                                                                                 | Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản | Cấp Trung ương |                                                                                                                                                                        |
| 23. | 1.008727 | Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản                                                                                                       | Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| 24. | 1.001842 | Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối                                                                                                                                                                                           | Quản tài viên và hành nghề quản                      | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC                                                                                                                    |

|                                                                                               |          |                                                                                 |                                                      |                |                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                               |          | với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản                                      | lý, thanh lý tài sản                                 |                | cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ                                                     |
| 25.                                                                                           | 1.001633 | Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên                          | Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| 26.                                                                                           | 1001600  | Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản | Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| <b>VII. Lĩnh vực Trọng tài thương mại (07 TTHC: 05 TTHC cấp Trung ương, 02 TTHC cấp Tỉnh)</b> |          |                                                                                 |                                                      |                |                                                                                                                                                                        |
| 27.                                                                                           | 2.000822 | Cấp giấy phép thành lập Trung tâm Trọng tài                                     | Trọng tài thương mại                                 | Cấp Trung ương |                                                                                                                                                                        |



|     |          |                                                                                                                                                                                                                   |                      |                |                                                                                                                                                                        |
|-----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 28. | 2.000819 | Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài                                                                                                                                                     | Trọng tài thương mại | Cấp Trung ương |                                                                                                                                                                        |
| 29. | 1.008886 | Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                               | Trọng tài thương mại | Cấp Trung ương |                                                                                                                                                                        |
| 30. | 1.001609 | Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                 | Trọng tài thương mại | Cấp Trung ương |                                                                                                                                                                        |
| 31. | 1.008888 | Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam                                                                                  | Trọng tài thương mại | Cấp Trung ương |                                                                                                                                                                        |
| 32. | 1.008889 | Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác | Trọng tài thương mại | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| 33. | 1.008906 | Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại                       | Trọng tài thương mại | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư                                                           |

|                                                                                               |          |                                                                                                                                                                                                 |                     |                |                                                                                                                                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                               |          | Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác                                                                                                 |                     |                | số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ                                                                                                              |
| <b>VIII. Lĩnh vực Hòa giải thương mại (05 TTHC: 01 TTHC cấp Trung ương, 04 TTHC cấp Tỉnh)</b> |          |                                                                                                                                                                                                 |                     |                |                                                                                                                                                                        |
| 34.                                                                                           | 1.008908 | Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam                            | Hòa giải thương mại | Cấp Trung ương |                                                                                                                                                                        |
| 35.                                                                                           | 1.008914 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam | Hòa giải thương mại | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| 36.                                                                                           | 2.000515 | Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động                                                                           | Hòa giải thương mại | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |

|                                                                                       |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |                |                                                                                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 37.                                                                                   | 1.008916 | Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                      | Hòa giải thương mại | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| 38.                                                                                   | 1.008912 | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài | Hòa giải thương mại | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| <b>IX. Lĩnh vực Thừa phát lại (03 TTHC: 01 TTHC cấp Trung ương, 02 TTHC cấp Tỉnh)</b> |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                     |                |                                                                                                                                                                        |
| 39.                                                                                   | 1.008921 | Công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Thừa phát lại       | Cấp Trung ương |                                                                                                                                                                        |
| 40.                                                                                   | 1.008925 | Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thừa phát lại       | Cấp Tỉnh       | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày                                   |

|                                                        |          |                                                                                                                           |               |          |                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                        |          |                                                                                                                           |               |          | 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ                                                                                                                                      |
| 41.                                                    | 1.008926 | Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại                                                                               | Thừa phát lại | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| <b>X. Lĩnh vực Luật sư (03 TTHC: 03 TTHC cấp Tỉnh)</b> |          |                                                                                                                           |               |          |                                                                                                                                                                        |
| 42.                                                    | 1.002032 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư                                                         | Luật sư       | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| 43.                                                    | 1.002079 | Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh | Luật sư       | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng           |

|                                                                  |          |                                               |                  |          |                                                                                                                                                                        |
|------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------|------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                  |          |                                               |                  |          | Chính phủ                                                                                                                                                              |
| 44.                                                              | 1.002153 | Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân | Luật sư          | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| <b>XI. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật (01 TTHC: 01 TTHC cấp Tỉnh)</b> |          |                                               |                  |          |                                                                                                                                                                        |
| 45.                                                              | 1.000404 | Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật             | Tư vấn pháp luật | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| <b>XII. Lĩnh vực Công chứng (06 TTHC: 06 TTHC cấp Tỉnh)</b>      |          |                                               |                  |          |                                                                                                                                                                        |
| 46.                                                              | 1.001071 | Đăng ký tập sự hành nghề công chứng           | Công chứng       | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày                                   |

|     |          |                                                                                                                                                                          |            |          |                                                                                                                                                                        |
|-----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |          |                                                                                                                                                                          |            |          | 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ                                                                                                                                      |
| 47. | 1.001446 | Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng                                                                                     | Công chứng | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| 48. | 1.001125 | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Công chứng | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| 49. | 1.001438 | Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng                                                                                                                                     | Công chứng | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |

|                                                                     |          |                                                                                                                                      |                   |          |                                                                                                                                                                        |
|---------------------------------------------------------------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 50.                                                                 | 2.002387 | Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng | Công chứng        | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| 51.                                                                 | 1.012019 | Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng                                                                                     | Công chứng        | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| <b>XIII. Lĩnh vực Giám định tư pháp (01 TTHC: 01 TTHC cấp Tỉnh)</b> |          |                                                                                                                                      |                   |          |                                                                                                                                                                        |
| 52.                                                                 | 1.001117 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất        | Giám định tư pháp | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |

| <b>XIV. Lĩnh vực Đấu giá tài sản (02 TTHC: 02 TTHC cấp Tỉnh)</b> |          |                                                                      |                 |          |                                                                                                                                                                        |
|------------------------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 53.                                                              | 2.001333 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản | Đấu giá tài sản | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |
| 54.                                                              | 2.001258 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản      | Đấu giá tài sản | Cấp Tỉnh | Đủ điều kiện khi Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh có thể đáp ứng yêu cầu tại Điều 13 của Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ |